

Số: 1047 /QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 10 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án
Trạm biến áp 110kV Tân An và đấu nối (40MVA) tại xã Tân An,
huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 04/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Văn bản số 05/VBHN-BTNMT ngày 07/08/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi bổ sung một số phức lục Đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, để bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho

người đang thuê, để định giá đất trong các vụ án của tòa án, thi hành án và định giá trong các nghiệp vụ của tòa án, thi hành án và định giá trong các vụ kinh tế khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm giai đoạn 2020-2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trạm biến áp 110kV Tân An và đấu nối (40MVA) tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự, thủ tục giải quyết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 5647/UBND-CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110KV Tân An và hướng tuyến đường dây đầu nối;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 333./TTr-TNMT ngày 05 tháng 04 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trạm biến áp 110kV Tân An và đấu nối (40MVA) tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng trường hợp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: 03 hộ gia đình cá nhân và 01 tổ chức.

2. Tổng diện tích phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là: 4.477m². Trong đó: 4.319,4m² đất nông nghiệp; 157,6m² đất giao thông do UBND xã Tân An quản lý không bồi thường.

3. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **6.799.649.000 đồng** (Sáu tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Bao gồm:

- Giá trị bồi thường đất: 5.418.501.000 đồng;
- Giá trị bồi thường cây trồng: 38.008.000 đồng;
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ: 1.183.814.000 đồng;
- Thưởng di dời: 26.000.000 đồng;
- Chi phí thực hiện bồi thường 2%: 133.326.000 đồng;

Trong đó:

- Kinh phí thâm định 20%: 26.665.000 đồng;
- + Kinh phí của PTN-MT 15%: 19.999.000 đồng;
- + Kinh phí của STN-MT 5%: 6.666.000 đồng;
- Kinh phí TTPTQĐ huyện 80 %: 106.661.000 đồng.

(Kèm bảng tổng hợp)

4. Về tái định cư: Không có trường hợp nào đủ điều kiện bố trí tái định cư do không phải thu hồi đất ở, không phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 và Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai.

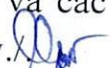
Điều 2. Căn cứ vào các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm chuyển kinh phí tổ chức thực hiện và kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu; chuyển kinh phí thâm định bồi thường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.


2. Kinh phí bồi thường nêu tại Điều 1 nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Trạm biến áp 110kV Tân An và đấu nối (40MVA) tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu do Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu phối hợp với Chủ đầu tư và UBND xã Tân An triển khai chi trả cho các đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện, UBND xã Tân An và các ngành có liên quan tổ chức bóc thăm, bố trí các hộ vào vị trí khu tái định cư theo kết quả bóc thăm; lập thủ tục tham mưu trình Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định giao đất cho hộ tái định cư; tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa theo quy định (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.


Điều 4. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu, Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai, Chủ tịch UBND xã Tân An và các đơn vị cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở TNMT (Chi cục QLDD);
- CT, các PCT UBND huyện;
- C,PVP. HĐND-UBND huyện;
- Phòng TNMT; 
- Lưu VT, THKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Quạng Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỌNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ VỀ ĐẤT

Thuộc dự án: Trám biến áp 110KV Tân An và đầu nối (40MVA) tại xã Tân An

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1047/QĐ-UBND** ngày **10 tháng 4** năm 2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

STT	Họ và tên	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích bồi thường (m ²)										Diện tích đất chưa sử dụng	Diện tích đất hỗ trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường, hỗ trợ khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng cho đối tượng chấp hành chủ trương, chính sách	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Tài chính	Ghi chú
		Tổng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất trồng cây hàng năm	Trong đó đất trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	Tổng cộng	Đất ONT	Đất giao thông	Đất chưa sử dụng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp													
1	Nguyễn Văn Thầu - Nguyễn Thị Kim Huyền	1525,3	1525,3				1525,3	1070,8	1070,8							1.994.103.000	0	23.595.000	0	465.336.000	12.000.000	2.495.034.000				
2	Nguyễn Văn Luông	2369,7	2369,7				2769,7	2769,7	2769,7							3.410.461.000	0	14.218.000	0	713.354.000	12.000.000	4.150.033.000		Không đủ điều kiện bố trí tài chính		
3	Nguyễn Thị Hương	24,4	24,4				24,4	24,4	24,4							13.937.000	0	195.000	0	5.124.000	2.000.000	21.256.000				
4	UBND xã Tân An	157,6	157,6													157,6	157,6	0	0	0	0	0	0			
TỔNG CỘNG:		4.077,0	3.919,4	157,6	0,0	4.319,4	0	3919,4	0	157,6	0	157,6	0	400	5.418.501.000	0	38.008.000	0	1.183.814.000	26.000.000	6.666.323.000	133.326.000	6.799.649.000			
		Kinh phí thực hiện bồi thường 2%																								
		Trong đó: - Kinh phí thẩm định huyện 20%, bao gồm:																								
		+ Kinh phí thẩm định phòng TN-MT huyện 15%																								
		+ Kinh phí phối hợp Sở TN-MT 5%																								
		- Kinh phí TPTQĐ huyện 80%:																								
		Tổng cộng bồi thường																								